

Bản án số: 97/2017/DS - ST

Ngày: 03-8-2017

**“V/v tranh chấp giao dịch dân sự, hợp đồng
dân sự đối với Hợp đồng mượn tài sản”**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông PHẠM HẢI DUY**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông TRẦN VĂN HÀI

2. Bà LÊ THỊ LAN

- Thư ký phiên tòa: Ông **LƯƠNG THẾ VINH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: (không có)

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2017/TLST- DS ngày 15 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “ Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng mượn tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông NGUYỄN VĂN R, sinh năm 1955.

Địa chỉ: khu a, thị trấn C, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

****Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** (văn bản ủy quyền ngày 15/6/2017): **Ông NGUYỄN VĂN C**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: khu a , thị trấn C, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà NGUYỄN THỊ T sinh năm 1946.

Chị VÕ THỊ BÍCH T sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

****Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T:*** (văn bản ủy quyền ngày 17/7/2017): **Chị VÕ THỊ BÍCH T**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Ông Nguyễn Văn C và chị Võ Thị Bích T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Tò tụng khai ngày 15/6/2017 nguyên đơn là ông Nguyễn Văn R trình bày:

Vào ngày 07/9/2016 bà Nguyễn Thị T và chị Võ Thị Bích T (bà T, chị T là mẹ con ruột) mượn của ông Nguyễn Văn R số tiền 70.000.000đ, thời hạn mượn là 15 ngày sẽ hoàn trả tiền vốn và không có tính lãi, đồng thời hai bên có làm “Biên nhận ngày 07/9/2016” ký tên xác nhận để làm tin. Tuy nhiên, khi đến hạn trả tiền thì bà T và chị T không thanh toán số tiền mượn nợ cho ông R mà cứ hẹn lần lượt kéo dài, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích của ông R.

Nay Nguyễn Văn R yêu cầu bà Nguyễn Thị T và chị Võ Thị Bích T cùng chịu trách nhiệm trả số tiền mượn còn nợ theo “Biên nhận ngày 07/9/2016” là 70.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 22/9/2016 cho đến ngày xét xử.

Tại bản tụng khai ngày 17/7/2017, bị đơn là chị Võ Thị Bích T trình bày:

Chị T và bà Nguyễn Thị T là mẹ con ruột. Chị T thừa nhận có mượn của ông Nguyễn Văn R số tiền 70.000.000đ vào ngày 07/9/2016. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên từ khi mượn tiền cho đến nay chị T và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T chưa thanh toán số tiền trên cho ông R.

Nay chị T cũng đồng ý cùng mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền mượn còn nợ là 70.000.000đ nhưng trả dần mỗi tháng 5.000.000đ đến khi xong nợ và xin bỏ tiền lãi phát sinh.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2017, bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và chị Võ Thị Bích T là mẹ con ruột. Bà T thừa nhận có mượn của ông Nguyễn Văn R số tiền 70.000.000đ vào ngày 07/9/2016. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên từ khi mượn tiền cho đến nay bà T chưa thanh toán số tiền trên cho ông R.

Nay bà Nguyễn Thị T cũng đồng ý cùng chị Võ Thị Bích T trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền mượn còn nợ là 70.000.000đ nhưng trả dần mỗi tháng 5.000.000đ đến khi xong nợ và xin bỏ tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị T là chị Võ Thị Bích T thống nhất theo lời khai của bà Nguyễn Thị T và vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về chứng cứ trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C có cung cấp 01 “Biên nhận” ngày 07/9/2016 có thể hiện nội dung “... Nguyễn Thị T và Võ Thị Bích T có mượn của ông Nguyễn Văn R số tiền 70.000.000đ”. Đối với chứng cứ này, các bị đơn là bà Nguyễn Thị T và chị Võ Thị Bích T cũng thừa nhận. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 có quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không chứng minh”. Như vậy việc nguyên đơn có cho các bị đơn mượn số tiền 70.000.000đ mà đến nay các bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn là có thật.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C yêu cầu các bị đơn là bà Nguyễn Thị T và chị Võ Thị Bích T cùng chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn là ông

Nguyễn Văn R số tiền mượn còn nợ là 70.000.000đ. Xét thấy, việc các bị đơn mượn tiền của nguyên đơn từ ngày 07/09/2016 đến nay chưa trả nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số mượn còn nợ là 70.000.000đ là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Về yêu cầu của bị đơn: Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn là chị Võ Thị Bích T và cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị T có yêu cầu xin trả dần cho nguyên đơn mỗi tháng 5.000.000đ đến khi xong số tiền 70.000.000đ. Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C không đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về tiền lãi phát sinh: Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các bị đơn cùng thống nhất mức lãi suất do chậm trả tiền là 0,9%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 22/9/2016 đến ngày xét xử. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của các đương sự và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Thời gian tính lãi chậm trả từ ngày 22/9/ 2016 đến ngày 03/8/2017 là 10 tháng 12 ngày.

Như vậy, tiền lãi phát sinh mà các bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn do chậm trả tiền là **6.552.000đ**

[4] Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định giảm 50% tiền án phí cho các bị đơn là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 494, 499 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn R. Buộc bà Nguyễn Thị T và chị Võ Thị Bích T trả cho ông Nguyễn Văn R **70.000.000đ** tiền mượn còn nợ và **6.552.000đ** tiền lãi phát sinh. Cộng chung là **76.552.000đ (bảy mươi sáu triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng)**

[2] Về án phí, chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Văn R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn R được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)** theo biên lai thu số 07031 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Bà Nguyễn Thị T và chị Võ Thị Bích T phải cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **1.913.800đ (một triệu chín trăm mười ba ngàn tám trăm đồng)** – đã giảm 50% theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính

đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẠM HẢI DUY

